

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI**

Hà Nội, tháng 7 năm 2026

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 28/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 53/2024/QH15 về phòng, chống mua bán người. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Luật phòng, chống mua bán người được ban hành nhằm nâng cao trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội trong công tác phòng, chống mua bán người; hoàn thiện cơ sở pháp lý trong thực hiện việc hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến một số quy định của Luật số 53/2024/QH15 về phòng, chống mua bán người và các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người; Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em, Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật thành phố Hà Nội biên soạn tài liệu **“Tìm hiểu một số quy định pháp luật về phòng, chống mua bán người”**.

Tài liệu được biên soạn gồm 6 phần:

- *Phần I: Những quy định chung*
- *Phần II: Phòng ngừa mua bán người*
- *Phần III: Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người*
- *Phần IV: Tiếp nhận, xác minh nạn nhân*
- *Phần V: Hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân*
- *Phần VI: Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm pháp luật phòng, chống mua bán người*

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi thiếu sót, mong bạn đọc thông cảm và có ý kiến góp ý, phản ánh với nhóm biên soạn.

Trân trọng giới thiệu!

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Câu 1: Luật Phòng, chống mua bán người quy định như thế nào về “Mua bán người”, “Bóc lột tình dục”, “Cưỡng bức lao động”, “Nạn nhân”, “Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân” ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 7, 8 Điều 2 của Luật số 53/2024/QH15 ngày 28/11/2024 của Quốc hội về Phòng, chống mua bán người (sau đây gọi tắt là Luật Phòng, chống mua bán người) thì:

- *Mua bán người* là hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác cũng được coi là mua bán người ngay cả khi không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

- *Bóc lột tình dục* là việc ép buộc nạn nhân bán dâm, tổ chức cho nạn nhân bán dâm, đưa nạn nhân đến cơ sở chứa mại dâm để bán dâm, sử dụng nạn nhân làm đối tượng để sản xuất sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, ép buộc nạn nhân trình diễn khiêu dâm, ép buộc nạn nhân do bị lệ thuộc phải phục vụ nhu cầu tình dục.

- *Cưỡng bức lao động* là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để ép buộc nạn nhân phải lao động trái ý muốn của họ.

- *Nạn nhân* là người bị xâm hại bởi hành vi mua bán người và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

- *Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân* là người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người và đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh.

Câu 2: Luật Phòng, chống mua bán người quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm?

Trả lời:

Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người quy định những hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

1. Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trừ

trường hợp pháp luật có quy định khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác cũng được coi là mua bán người ngay cả khi không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

2. Thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai.

3. Cưỡng bức, môi giới hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên.

4. Đe dọa, trả thù nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

5. Dung túng, bao che, tiếp tay, cản trở, can thiệp, không xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi mua bán người.

6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện hành vi trái pháp luật.

7. Cản trở việc giải cứu, tiếp nhận, xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

8. Cản trở việc phát hiện, tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo, xử lý hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

9. Xúc phạm, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

10. Tiết lộ thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

11. Giả mạo là nạn nhân.

12. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

Câu 3: Luật Phòng, chống mua bán người quy định nguyên tắc phòng, chống mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 Luật Phòng, chống mua bán người quy định 07 nguyên tắc phòng, chống mua bán người, cụ thể như sau:

- Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; lấy nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân làm trung tâm; bảo đảm bình đẳng giới.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa mua bán người; phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, kịp thời, chính xác hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

- Giải cứu, tiếp nhận, xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân kịp thời, chính xác; giữ bí mật thông tin

và không xúc phạm, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

- Bảo đảm nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được sử dụng ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được và được hưởng chế độ hỗ trợ phù hợp với tín ngưỡng, tôn giáo của họ trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân của họ.

- Tùy từng trường hợp cụ thể và theo quy định của pháp luật có liên quan, nạn nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là hệ quả trực tiếp của hành vi mua bán người có thể không bị xử lý hành chính hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình, cá nhân trong phòng, chống mua bán người.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp liên ngành, chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống mua bán người trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp, phù hợp với pháp luật của Việt Nam và pháp luật, tập quán quốc tế.

Câu 4. Nhà nước thực hiện chính sách gì để ngăn chặn, đấu tranh chống mua bán người?

Trả lời:

Theo Điều 5 Luật Phòng, chống mua bán người thì Nhà nước có các chính sách sau về phòng, chống mua bán người:

- Phòng, chống mua bán người là nội dung của chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm và được kết hợp với việc thực hiện các chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, tài trợ cho hoạt động phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong phòng, chống mua bán người; hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho người làm công tác phòng, chống mua bán người.

- Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người theo quy định của pháp luật.

- Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống mua bán người; bảo đảm chế độ, chính sách đối với người tham gia phòng, chống mua bán người bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống mua bán người, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có tình hình mua bán người diễn biến phức tạp.

Câu 5: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân như thế nào ?

Trả lời:

Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người quy định quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân như sau :

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có quyền sau đây:

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích của mình theo quy định của Luật này khi bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người;

- Được thông tin về quyền, lợi ích hợp pháp của mình và các biện pháp phòng ngừa mua bán người;

- Được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Luật này hoặc từ chối nhận hỗ trợ;

- Được bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nơi cư trú, nơi làm việc và thông tin khác theo quy định của pháp luật;

- Được cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân;

- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Được từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành đầy đủ yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong quá trình áp dụng các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ;

- Cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền;

- Thực hiện yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong phát hiện, điều tra, xử lý vụ việc mua bán người;

- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

PHẦN II: PHÒNG NGỪA MUA BÁN NGƯỜI

Câu 6: Luật Phòng, chống mua bán người quy định như thế nào về công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người?

Trả lời:

Điều 7 Luật Phòng, chống mua bán người quy định về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người như sau:

1. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình, cá nhân trong phòng, chống mua bán người, đề cao cảnh giác, tích cực tham gia phòng, chống mua bán người.

2. Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục bao gồm:

- Chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người và pháp luật có liên quan;

- Mục đích, thủ đoạn, hành vi mua bán người và các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Phòng, chống mua bán người;

- Kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người;

- Biện pháp, kinh nghiệm phòng, chống mua bán người;

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong phòng, chống mua bán người;

- Chống xúc phạm, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

- Các biện pháp bảo vệ và chính sách hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; kết quả xử lý vụ việc mua bán người theo quy định của pháp luật;

h) Các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

3. Việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, nói chuyện trực tiếp;

- Cung cấp tài liệu;

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động thông tin cơ sở;

- Thông qua hoạt động ngoại khóa tại cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông qua hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hóa khác;

- Sử dụng mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính;

- Thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp;

- Thông qua tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông;

- Các hình thức phù hợp khác.

4. Xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở, huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, khuyến khích sự tham gia của nạn nhân vào công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người.

5. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục cần được tăng cường đối với phụ nữ, thanh niên, trẻ em, học sinh, sinh viên, người khuyết tật, người lao động tại các khu công nghiệp, người làm việc tại cơ sở kinh doanh casino, kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, xoa bóp và người cư trú tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có nhiều công dân kết hôn với người nước ngoài, đi làm việc ở nước ngoài, địa bàn có tình hình mua bán người diễn biến phức tạp.

Câu 7: Luật Phòng, chống mua bán người quy định tư vấn về phòng ngừa mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Điều 8 Luật Phòng, chống mua bán người quy định tư vấn về phòng ngừa mua bán người như sau:

Người chuẩn bị tham gia vào quan hệ về lao động, việc làm, hôn nhân, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài hoặc các dịch vụ khác dễ bị lợi dụng để mua bán người được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia phòng ngừa mua bán người; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia phòng ngừa mua bán người; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia phòng ngừa mua bán người tư vấn các nội dung sau đây:

- Kiến thức pháp luật về phòng, chống mua bán người;
- Hướng nghiệp, việc làm, di cư an toàn; thông tin về mục đích, thủ đoạn, hành vi mua bán người, kỹ năng xử lý trong trường hợp là nạn nhân bị mua bán và hướng dẫn kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người;
- Thông tin về quyền, nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và hướng dẫn cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó.

Câu 8: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về trách nhiệm của gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Luật Phòng, chống mua bán người quy định trách nhiệm của gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người như sau:

- Giáo dục, nhắc nhở thành viên trong gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người; cung cấp thông tin cho thành viên trong gia đình về mục đích, thủ đoạn, hành vi mua bán người và các biện pháp phòng, chống mua bán người.

- Phối hợp với cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người.

- Chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hòa nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng.

- Động viên, hỗ trợ và tạo điều kiện cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống mua bán người.

PHẦN III: PHÁT HIỆN, XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Câu 9: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về tố cáo, tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố về hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Điều 22 Luật Phòng, chống mua bán người và điểm e Khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2025 quy định về tố cáo, tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố về hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người như sau:

- Cá nhân có quyền và nghĩa vụ tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người với cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo, tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người hoặc với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào.

- Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố cáo, tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền hoặc kịp thời thông báo, kiến nghị khởi tố với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Câu 10: Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 4 Nghị định 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người quy định về Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người như sau:

- Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người (sau đây gọi là Tổng đài) sử dụng số điện thoại ngắn (111) của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em để tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi mua bán người.

- Tổng đài hoạt động 24 giờ tất cả các ngày để tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi mua bán người, được Nhà nước bảo đảm nguồn lực hoạt động.

- Tổng đài thực hiện ghi âm tự động và miễn cước phí đối với tất cả các cuộc gọi đến, gọi đi.

- Tổng đài được quảng bá số điện thoại theo quy định của pháp luật chuyên ngành về viễn thông, quảng cáo.

Câu 11: Nhiệm vụ của Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 5 Nghị định 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người quy định Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người có 03 nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận tố giác, tin báo từ cá nhân, cơ quan, tổ chức về hành vi mua bán người theo quy trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về hành vi mua bán người qua Tổng đài.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan giải quyết tố giác, tin báo theo quy định; cung cấp thông tin khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức báo tin, tố giác qua điện thoại theo quy định của pháp luật.

- Lưu trữ thông tin, dữ liệu liên quan đến tố giác, tin báo và thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin dữ liệu.

Câu 12: Quy trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về hành vi mua bán người qua Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người quy định về quy trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về hành vi mua bán người qua Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người như sau:

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi phát hiện hành vi mua bán người, phát hiện bản thân mình hoặc người khác có nguy cơ bị mua bán thì gọi đến số điện thoại của Tổng đài để báo tin, tố giác.

- Người tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi mua bán người qua Tổng đài thực hiện ghi chép nội dung thông tin tiếp nhận theo Mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 162/2025/NĐ-CP, trong trường hợp cần thiết và theo nhu cầu của người trình báo thực hiện tư vấn tâm lý, tư vấn chính sách, pháp luật, tư vấn hỗ trợ nạn nhân, cung cấp kỹ năng ứng phó với hành vi mua bán người.

- Ngay sau khi kết thúc việc tiếp nhận tố giác, tin báo hành vi mua bán người, người tiếp nhận quy định tại khoản 2 nêu trên phải thông báo cho cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi mua bán người hoặc nơi người báo tin cư trú để giải quyết theo quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người.

- Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền hoặc kịp thời thông báo, kiến nghị khởi tố với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp tố giác, tin báo về hành vi mua bán người mà nạn nhân hoặc người nghi là nạn nhân là trẻ em thì việc xử lý theo quy định của pháp luật về trẻ em.

Câu 13: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về xử lý vi phạm về phòng, chống mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Điều 26 Luật Phòng, chống mua bán người quy định về xử lý vi phạm về phòng, chống mua bán người như sau:

- Người thực hiện hành vi vi phạm nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để dung túng, bao che, xử lý không đúng hoặc không xử lý hành vi vi phạm nghiêm cấm theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Người giả mạo là nạn nhân ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật còn phải hoàn trả khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

PHẦN IV: TIẾP NHẬN, XÁC MINH NẠN NHÂN

Câu 14: Việc tiếp nhận, xác minh người đến trình báo hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 27 Luật Phòng, chống mua bán người được sửa đổi tại điểm a Khoản 3 Điều 2 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ Luật Hình sự quy định về tiếp nhận, xác minh người đến trình báo hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người như sau:

1. Người nào có căn cứ cho rằng mình là nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp có căn cứ cho rằng người được họ đại diện là nạn nhân thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất trình báo về việc bị mua bán. Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, cơ quan, tổ chức tiếp nhận trình báo có trách nhiệm đưa ngay người đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

2. Khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh thực hiện ngay việc tiếp nhận, hỗ trợ và chậm nhất là 03 ngày phải chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) xác minh thông tin ban đầu.

Sau khi xác minh thông tin ban đầu, nếu chưa có giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân theo quy định thì cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh đề nghị Công an cấp tỉnh tiến hành xác minh nạn nhân.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh nạn nhân và trả lời bằng văn bản cho cơ quan đã đề nghị.

Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn xác minh nạn nhân không quá 02 tháng; trường hợp chưa thể xác định được nạn nhân trong thời hạn 02 tháng thì thời hạn xác minh có thể kéo dài thêm, nhưng tổng thời hạn xác minh không quá 04 tháng.

4. Ngay sau khi có kết quả xác minh hoặc hết thời hạn theo quy định tại khoản 3 nêu trên thì Công an cấp tỉnh phải cấp một trong các giấy tờ là giấy xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân.

5. Sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh thực hiện việc hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định. Trường hợp họ có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí đi lại; nếu cần được chăm sóc về sức khỏe, tâm lý hoặc chưa xác định được nơi cư trú mà có nguyện vọng được lưu trú thì cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em thì cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú, trường hợp không có nơi nương tựa hoặc có căn cứ cho rằng họ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Câu 15: Luật Phòng, chống mua bán người quy định có những biện pháp bảo vệ nào đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người thân thích của họ?

Trả lời:

Điều 34 Luật Phòng, chống mua bán người quy định các biện pháp bảo vệ đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người thân thích của họ như sau:

1. Trường hợp nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng; người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân là người tố cáo thì áp dụng các biện pháp bảo vệ họ theo quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Trường hợp nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng; người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân là người tham gia tố tụng hình sự thì áp dụng các biện pháp bảo vệ họ theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Đối tượng là nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng; người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên thì áp dụng các biện pháp bảo vệ sau đây:

- Bố trí nơi tạm lánh khi họ có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe;
- Các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại, đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Người được bảo vệ từ chối hoặc không chấp hành đầy đủ biện pháp bảo vệ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng thì tự chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân, người thân thích của mình.

Trường hợp người được bảo vệ từ chối biện pháp bảo vệ do bị đe dọa hoặc bị ép buộc thì cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền vẫn áp dụng biện pháp bảo vệ.

5. Cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền khác áp dụng biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật.

PHẦN V: HỖ TRỢ NẠN NHÂN, NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN

Câu 16: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 37 Luật Phòng, chống mua bán người thì đối tượng và chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được quy định như sau:

1. Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- Hỗ trợ y tế;
- Hỗ trợ phiên dịch;
- Hỗ trợ pháp luật;
- Trợ giúp pháp lý;
- Hỗ trợ chi phí đi lại;
- Hỗ trợ tâm lý;
- Hỗ trợ học văn hóa;
- Hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm;

- Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

2. Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- Hỗ trợ y tế;
- Hỗ trợ phiên dịch;
- Hỗ trợ pháp luật;
- Trợ giúp pháp lý;
- Hỗ trợ chi phí đi lại;
- Hỗ trợ tâm lý;
- Hỗ trợ học văn hóa.

3. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng đang ở nước ngoài được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- Hỗ trợ y tế;
- Hỗ trợ phiên dịch;
- Hỗ trợ pháp luật.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- Hỗ trợ y tế;
- Hỗ trợ phiên dịch;
- Hỗ trợ pháp luật;
- Trợ giúp pháp lý;
- Hỗ trợ chi phí đi lại;
- Hỗ trợ tâm lý.

4. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì tùy từng trường hợp được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu;
- Hỗ trợ y tế;
- Hỗ trợ phiên dịch;
- Hỗ trợ pháp luật;
- Trợ giúp pháp lý;
- Hỗ trợ tâm lý.

Câu 17: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; hỗ trợ y tế; hỗ trợ phiên dịch như thế nào?

Trả lời:

Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Phòng, chống mua bán người quy định như sau:

- Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu: Trong trường hợp cần thiết, nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo, độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân của họ.

- Hỗ trợ y tế: Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được khám sức khỏe khi tiếp nhận, được sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe; trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân nếu cần được chăm sóc để phục hồi sức khỏe thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Nạn nhân chưa có bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trong năm đầu tiên kể từ khi họ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân.

- Hỗ trợ phiên dịch: Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng không biết, không hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian làm thủ tục xác minh là nạn nhân.

Nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng không biết, không hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Câu 18: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về hỗ trợ pháp luật, trợ giúp pháp lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 41 Luật Phòng, chống mua bán người quy định về hỗ trợ pháp luật, trợ giúp pháp lý như sau:

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được hỗ trợ pháp luật bằng hình thức tư vấn để phòng ngừa bị mua bán trở lại, tư vấn làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ.

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được trợ giúp pháp lý bằng các hình thức theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người.

Câu 19: Luật Phòng, chống mua bán người quy định về hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm; Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn như thế nào?

Trả lời:

Điều 42, Điều 44, Điều 45 Luật Phòng, chống mua bán người quy định các mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ chi phí đi lại: Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng có nguyện vọng trở về nơi cư trú thì được hỗ trợ chi phí tiền tàu, xe đi lại trong nước và tiền ăn trong thời gian đi đường.

- Hỗ trợ tâm lý: Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian không quá 03 tháng.

- Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm: Nạn nhân là người dưới 18 tuổi, người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân nếu tiếp tục đi học thì được hỗ trợ tiền học phí, tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập trong năm học đầu tiên và năm liền kề kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân.

Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được xem xét hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm ổn định cuộc sống.

- Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn: Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu.

Nạn nhân khi trở về nơi cư trú có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh được xem xét để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay với các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

PHẦN VI: TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ KHI VI PHẠM PHÁP LUẬT

Câu 20: Người có hành vi giả mạo, gian dối là nạn nhân bị mua bán người để được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ học văn hóa, học nghề hoặc trợ cấp khó khăn ban đầu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 98/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/3/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em thì người có hành vi giả mạo, gian dối là nạn nhân bị mua bán người để được hưởng một trong các chính sách hỗ trợ sau: học văn hóa, học nghề hoặc trợ cấp khó khăn ban đầu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Câu 21: Hành vi vi phạm quy định về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán thì bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em thì hành vi vi phạm quy định về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người,

người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán bị xử phạt hành chính bị xử phạt hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và buộc xin lỗi nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi khi có yêu cầu đối với một trong các hành vi sau:

a) Cản trở việc tiếp nhận nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

b) Cản trở việc hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

c) Xúc phạm; kỳ thị; phân biệt đối xử đối với nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và buộc xin lỗi nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi khi có yêu cầu đối với hành vi đe dọa nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, buộc xin lỗi nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi khi có yêu cầu và buộc thu hồi, xóa, gỡ bỏ các thông tin, hình ảnh, hồ sơ của nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đối với hành vi vi phạm đối với hành vi tiết lộ thông tin về tên, tuổi, số điện thoại, tài khoản mạng xã hội, địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc, quê quán, hình thức bị mua bán, sức khỏe, hình ảnh, hồ sơ của nạn nhân bị mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khi chưa được sự đồng ý của họ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp việc tiết lộ thông tin là cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người bị tiết lộ hoặc pháp luật có quy định khác.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên là mức phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Câu 22: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội mua bán người như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội mua bán người như sau:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Vì động cơ đê hèn;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Đối với từ 02 người đến 05 người;

e) Phạm tội 02 lần trở lên.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

đ) Đối với 06 người trở lên;

e) Tái phạm nguy hiểm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu 23: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội mua bán người dưới 16 tuổi như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội mua bán người dưới 16 tuổi như sau:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

b) Chuyên giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;

c) Đối với từ 02 người đến 05 người;

d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;

đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Vì động cơ đê hèn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

e) Đối với 06 người trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.